

Bản án số: 289/2022/DS-PT

Ngày: 17 - 10 - 2022

“V/v tranh chấp kiện đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Út

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Minh Trung  
Bà Đinh Cẩm Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Văn Mil – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2022/TLPT- DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp kiện đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2022/QĐPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Chung Bảo T, sinh năm: 1979; Địa chỉ cư trú: Số 625, ĐBP, phường 1, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Chung Bảo T:*

1. Ông Lê Minh Ch, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: 215 Nguyễn Du, Khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Cao Thị Nh, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* 1. Bà Tô Thúy A, sinh năm: 1996 (có mặt).

2. Bà Trần Thu H1, sinh năm: 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1:* Luật sư Trần Dân Quốc (Văn phòng Luật sư Chánh Kiến) thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ: Số 40/6, đường số 12, khóm 1 phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Tô Kim Q, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

3. Bà Tô Kim Ng, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

4. Ông Tô Văn H2, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Hiện ở số 31, đường số 6, phường Bình Trị Đông, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Bà Tô Thu H1, bà Tô Thúy A, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2017, phía nguyên ông Chung Bảo T và người đại diện ông T trình bày:*

Ông Chung Bảo T với bà Tô Thúy A có quen biết và chung sống với nhau từ năm 2015. Đến năm 2016 khi về thị trấn U Minh chơi thấy gia đình bà A khó khăn, nên ông T mua đất, cất nhà cho mẹ con bà A ở (trên phần đất bảo lưu ven sông, liền kề với phần đất ông T nhận chuyển nhượng) và trông coi phần đất nhà kho phía trên (đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ, riêng đất bảo lưu ven sông không được cấp). Do bà A nói có thai với ông T, nên tháng 9 năm 2016 ông T tổ chức cưới bà A tại thị trấn U Minh (không đăng ký kết hôn). Sau đó, ông T nghi ngờ đứa con không phải của ông, nên ông yêu cầu giám định ADN thì xác định được con không phải là của ông. Cho rằng do bà A lừa dối ông, nên ông yêu cầu bà H1 và bà A đi khỏi nhà, giao trả lại nhà và tài sản trong nhà gồm: Căn nhà mé sông trên đất 72m<sup>2</sup>; đồ đạc gồm: Một bộ bàn ghế ngồi tiếp khách có 02 bàn 03 ghế; Bộ tủ thờ; Ghế gỗ nằm dài ra được; Máy lạnh di động; tivi hiệu Panasonic màn hình phẳng; Tủ nhựa cao để đồ đạc; 02 bộ đèn chùm; Bộ ổn áp điện; Bộ lọc nước gồm 2 bình Inox và máy bơm trợ lực. Phòng T: 02 tủ lớn bằng nhựa và kiếng để quần áo; 01 máy lạnh hiệu Panasonic; 02 bộ bàn gỗ, ghế da trang điểm; 01 máy tính hiệu Dell; 01 máy in hiệu HP; 02 máy bắt muỗi, 01 cục biến điện; Máy giặt đồ; bồn inox gắn tường, bếp gas, bình gas, đồ dung nhà bếp; Máy quạt nước; Đồ điện, dụng cụ sửa chữa, máy sấy khô, nệm nằm. Đồng thời, ông T cũng yêu cầu bà H1, bà A trả lại nhà kho trên bờ, kèm với tài sản: 02 xe chạy điện; chuồng gà; vật dụng chăn nuôi, 01 xe đạp màu đỏ; 01 máy xịt rửa áp lực cao; 01 bồn inox chứa nước trên cao; 01 motor bơm nước; Bộ vòi sen đa năng; máy nước nóng; lavabo, kiếng, bồn cầu, móc treo.

- *Đơn yêu cầu ngày 28/5/2018, quá trình tham gia tố tụng bà Trần Thu H1 trình bày:* Căn nhà là tài sản riêng của bà tự bỏ tiền ra xây dựng và sở hữu, quản lý sử dụng từ lúc khởi công cho đến nay. Bà H1 là người trực tiếp ký các hợp đồng xây nhà (hợp đồng làm tiền chế và hợp đồng xây). Căn nhà xây dựng trên phần đất bảo lưu ven sông do Nhà nước quản lý, bà là hộ dân sinh sống lâu năm tại địa phương, nên được xây cất, khi nào Nhà nước thu hồi phục vụ lợi ích chung, thì bà đồng ý di dời nhà và trả lại đất. Nhà khởi công xây dựng vào ngày 09 tháng 4 năm

2016, người xây là ông Phạm Thành Đạt tiền công là 35.000.000 đồng và tiền sửa phát sinh là 10.520.000, phần nhà tiền chế là do bà thuê Phạm Hoàng Liệt tiền công là 60.000.000 đồng; các khoản tiền cát đá, xi măng hoàn thiện là 171.492.000 mua của ông Trần Lùng, phần vật tư phát sinh là 23.230.000 đồng và chi phí ăn uống là 20.000.000 đồng, tổng số tiền bỏ ra xây dựng là 320.242.000 đồng (nguồn tiền có được là do nhận bồi hoàn đất bị thu hồi ở Bạc Liêu và tiền dành dụm từ mua bán).

Bà H1 xác định có nhận tiền do ông T gửi về là để trả tiền mua đất của ông Tây trả 1 lần có xác nhận 27/6/2016 bà H1 đã đưa cho bà Kiều, là cháu ông Tây nhận trả cho ông Tây 120.000.000 đồng, trả cho ông Lê Văn Hoàng 140.000.000 đồng và tiền mua tôm cua cho ông T gửi đi nước ngoài. Thúy A có đưa tiền của T gửi về cho bà H1 để đắp đất, làm hàng rào, cất nhà kho phần đất phía trên (nhà kho không tranh chấp).

Bà H1 xác định toàn bộ tài sản trong nhà là của bà thuộc quyền sở hữu của bà do bà trực tiếp mua, giao dịch không liên quan đến Chung Bảo T. Bà H1 chỉ xác định tài sản của ông T gồm: 02 tủ nhựa, tủ kính để quần áo; 02 bàn gỗ, ghế trang điểm, 01 máy tính hiệu Dell, 01 máy in hiệu HP, 02 máy bắt muỗi, 01 bồn lọc nước, 02 đèn chùm, 01 máy lạnh di động. Đối với toàn bộ tài sản còn lại trong nhà là của bà tự mua sắm.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chung Bảo T; công nhận căn nhà tọa lạc tại số 388, khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà.

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Tô Thúy A trình bày:*

Bà và ông T tổ chức đám cưới vào ngày 09/9/2016 tại thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, không đăng ký kết hôn. Năm 2015, 2016, 2017 ông T có gửi tiền cho bà nhiều lần mỗi lần khoảng 10.000.000 đồng để mua tôm, cua cho T gửi quà cho người khác, bà có đưa tiền cho mẹ là bà H1 dùng để trả tiền nợ, trả tiền mua đất của ông T. Trước khi cưới thì T có gửi cho bà 100.000.000 đồng để chi xài cá nhân. Đối với yêu cầu của ông T về việc trả nhà và toàn bộ tài sản trong nhà bà không đồng ý, vì đây là tài sản của mẹ bà, mẹ bà là người trực tiếp đứng ra cất, nguồn tiền là của mẹ bà nhận bồi thường tiền đất mà có, Ah chị em của bà đi làm gửi tiền về. Nhà cất trên đất bảo lưu không phải đất của ông T nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T. Cất nhà xong mẹ bà có cho mượn 01 phòng để ở, các tài sản trong phòng ngủ của bà và ông T có những gì thì ông T cứ lấy, bà không ngăn cản. Các vấn đề, bà A thống nhất với ý kiến bà H1.

*Từ nội dung vụ án nêu trên, Bản án sơ thẩm quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Chung Bảo T đối với bà Trần Thu H1 và bà Tô Thúy A về việc đòi lại tài sản.

- Buộc bà Trần Thu H1 và bà Tô Thúy A, ông Tô Văn H2, Tô Kim Q, Tô Kim Ng phải di dời tài sản gồm: gồm 01 máy giặt, 01 bộ sa lon, 01 tủ thờ, 01 quạt đứng, 01 máy giặt 9 ký hiệu Panasonic để trả lại nhà cho ông Chung Bảo T. Giao cho ông Chung Bảo T 01 căn nhà diện tích ngang 8 mét x dài 9 mét (ven sông) và

01 căn nhà kho (phía trên) tại khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật đối với việc sử dụng đất bảo lưu ven sông (phần đất liền kề giáp kênh của thửa đất số 130 tờ bản đồ số 27 tại khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh do ông Chung Bảo T đứng tên quyền sử dụng).

- Buộc ông Chung Bảo T có nghĩa vụ hỗ trợ di dời cho bà Trần Thu H1, Tô Thúy A số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

- Bà Trần Thu H1, bà Tô Thúy A phải trả lại cho ông Chung Bảo T chi phí tố tụng tổng cộng 4.689.000 (Bốn triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21-6-2022, bà Trần Thu H1 kháng cáo Bản bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm, đề nghị công nhận công nhận căn nhà tọa lạc tại số 388, khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà H1; việc cất nhà là bà H1 trực tiếp cất và trực tiếp ký hợp đồng; ông T không chứng minh được việc gửi tiền nhờ bà H1 xây nhà. Số tài sản trong nhà, bà H1 chỉ chấp nhận của ông T gồm: 02 tủ nhựa, tủ kính để quần áo; 02 bàn gỗ, ghế trang điểm, 01 máy tính hiệu Dell, 01 máy in hiệu HP, 02 máy bắt muỗi, 01 bồn lọc nước, 02 đèn chùm, 01 máy lạnh di động. Các tài sản còn lại do bà tự mua.

Ngày 21-6-2022, bà Tô Thúy A kháng cáo Bản bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm, đề nghị công nhận căn nhà, nhưng án sơ thẩm chưa xem xét giải quyết; việc cất nhà là bà H1 trực tiếp cất và trực tiếp ký hợp đồng; ông T không chứng minh được việc gửi tiền nhờ bà H1 xây nhà. Số tài sản trong nhà chỉ chấp nhận của ông T gồm: 02 tủ nhựa, tủ kính để quần áo; 02 bàn gỗ, ghế trang điểm, 01 máy tính hiệu Dell, 01 máy in hiệu HP, 02 máy bắt muỗi, 01 bồn lọc nước, 02 đèn chùm, 01 máy lạnh di động.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Lê Minh Ch tranh luận: Do căn nhà kho không còn tồn tại, và căn nhà kho không có tranh chấp, nên đề nghị rút lại yêu cầu khởi kiện đối với căn nhà kho trên bờ. Vấn đề còn lại đề nghị giữ giữ như án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư Trần Dân Quốc và bà H1 trình bày yêu cầu hỗ trợ 200.000.000 đồng, bà mới chịu di dời nhà trả lại đất cho ông T. Vấn đề tài sản trong nhà đề nghị chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:* Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các đương sự; sửa một phần Bản án sơ thẩm, buộc nguyên đơn hoàn trả cho bà H1 giá trị căn nhà 80.500.000 đồng (sau khi trừ số tiền làm nhà và số tiền bà H1, bà A nhận của ông T trong giai đoạn làm nhà).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng:*

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với căn nhà kho, bị đơn đồng ý (vì căn nhà kho còn tồn tại và các bên xác định không có tranh chấp căn nhà kho), nên cần hủy và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu về căn nhà kho (phía trên bờ) của nguyên đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Chung Bảo T cho rằng căn nhà số 388 tại khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh tỉnh Cà Mau và tài sản trong nhà là của ông gửi về cho bà H1, bà A vào năm 2016. Ông T có nhờ bà Trần Thu H1 đứng ra cất nhà dùm cho ông, sau đó ông cho bà H1, bà A ở; tài sản trong nhà gồm vật dụng như đã xem xét thẩm định mà nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện là của ông T. Từ đó, ông T yêu cầu bị đơn trả lại căn nhà mé sông và căn nhà kho cùng các vật dụng. Bị đơn bà H1, bà A không đồng ý trả nhà đang ở; các vật dụng bà H1 chỉ chấp nhận trả một phần cho ông T gồm: 02 tủ nhựa (bê ca màu xanh lá, xanh dương), 01 tủ kính nhôm (để quần áo), 01 bàn gỗ, 01 ghế trang điểm, 01 máy tính hiệu Dell, 01 máy in hiệu HP, 02 máy bắt muỗi, 01 bồn lọc nước, 02 đèn chùm, 01 máy lạnh di động; phần còn lại bà H1 cho rằng của bà H1 mua.

[3] Ông Chung Bảo T và bà Tô Thúy A có chung sống như vợ chồng, có làm đám cưới theo phong tục địa phương vào tháng 9 năm 2016, nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2016, ông T có mua 01 phần đất tại khóm 4, thị trấn U Minh của ông Nguyễn Văn Tây. Cũng trong năm 2016, 2017, ông T xác định có gởi tiền nhiều lần về cho bà H1, bà A (tổng cộng là 436.660.000 đồng); phía bị đơn phản bác cho rằng nhận các khoản tiền ông T gửi thanh toán tiền sang nhượng đất, tiền bà A nhận trước khi cưới, tiền trả nợ mua tôm, cua cho ông T gửi đi nước ngoài... Đối với số tiền cất nhà, bà H1 cho rằng ông T không có ký hợp đồng, mà bà là người ký hợp đồng với ông Phạm Thành Đạt làm phần xây (tiền công là 35.000.000 đồng và tiền sửa phát sinh là 10.520.000 đồng); phần nhà tiền chế, bà thuê Phạm Hoàng Liệt (tiền công là 60.000.000 đồng). Về tiền vật liệu xây dựng, các khoản tiền cát đá, xi măng hoàn thiện là 171.492.000 đồng, do bà H1 mua vật liệu xây dựng của ông Trần Lùng và thanh toán tiền cho ông Trần Lùng (được ông Trần Lùng xác nhận). Quá trình cất nhà phần vật tư cũng phát sinh là 23.230.000 đồng và chi phí ăn uống là 20.000.000 đồng... Tổng số tiền bà H1 xác định bỏ ra xây dựng nhà là 320.242.000 đồng. Bà H1 xác định nguồn tiền bà có được là do nhận bồi hoàn đất bị thu hồi ở Bạc Liêu và tiền dành dụm từ mua bán.

[3.1] Quá trình khởi kiện, nguyên đơn cho rằng nguyên đơn chỉ nhờ bà H1 cất nhà dùm, và đưa tiền cho bà H1; song nguyên đơn không chứng minh được việc nhờ cất nhà và đưa số tiền cụ thể để nhờ cất nhà là bao nhiêu (trong khi phía bà H1, bà A cho rằng số tiền nguyên đơn đưa là cho bà A, trả tiền đất, trả tiền mua

tôm, cua cho ông T...). Từ đó, có cơ sở xác định việc nguyên đơn cho rằng đầu tư 100% chi phí tiền cho H1 cất nhà là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét quá trình, trước và sau khi cưới bà A, giai đoạn cất nhà, mặc dù ông T không chứng minh cho việc nhờ bà H1 cất nhà và gửi số tiền về cất nhà chính xác là bao nhiêu, trong khi bà H1 chứng minh được được bà có nhận tiền bồi thường đất ở Bạc Liêu là có thật (BL 351); bản thân bà cũng có mua bán, trước đây có trại mộc... Xét thấy, do các bên đều có bỏ tiền vào cất nhà nhưng không xác định được cụ thể, nên cần chấp nhận mỗi bên bỏ vào 50% giá trị là phù hợp. Đồng thời, do kết cấu căn nhà, nếu tháo dỡ căn nhà sẽ mất giá trị sử dụng nhiều; nhà cất trên đất bảo lưu ven sông, nhưng thuộc thửa liền kề của nguyên đơn, nên cần giữ lại cho nguyên đơn sử dụng (theo quy định pháp luật đất đai hiện hành), nhưng buộc ông T hoàn trả cho bà H1 50% giá trị căn nhà = 71.712.000 đồng, như kết luận định giá là có căn cứ.

[3.2] Đối với tài sản trên 02 căn nhà tranh chấp được xác định tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 7-11-2018 gồm: 01 bồn nước, 03 cây đu đủ, 04 cây chuối, 01 motor bơm nước, 01 máy nóng lạnh, 01 bộ salon gỗ, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 bình nóng lạnh, 01 quạt di động, 02 bình lọc nước phèn bằng inox, 01 tivi hiệu Panasonic, 01 tủ bê ca màu xanh lá, 01 xanh dương, 01 đựng quần áo bằng nhôm, 01 máy lạnh hiệu Sony, 01 máy tính để bàn, 01 bộ bàn trang điểm (đã hư), 01 ghế ngồi quay; 02 xe đạp điện, 01 quạt đứng hiệu Daikio, 02 đèn chùm, 01 máy quạt nước (máy lạnh di động) hiệu Infintiny, 01 máy giặt 9 ký hiệu Panasonic, 01 máy lọc nước không dùng điện, 01 ổ áp, 01 li quăng, 01 máy đông lạnh. Quá trình tranh chấp nguyên đơn cho rằng tài sản nguyên đơn mua; bị đơn bà H1, bà A kháng cáo cho rằng bị đơn mua phần nhiều, chỉ chấp nhận các tài sản của nguyên đơn gồm: 02 tủ nhựa (bê ca màu xanh lá, xanh dương), 01 tủ kính nhôm (để quần áo), 01 bàn gỗ, 01 ghế trang điểm, 01 máy tính hiệu Dell, 01 máy in hiệu HP, 02 máy bắt muỗi, 01 bồn lọc nước, 02 đèn chùm, 01 máy lạnh di động. Xét rằng, do nguyên đơn khởi kiện, nhưng không chứng minh được toàn bộ tài sản trên là của nguyên đơn (mua không có hóa đơn cứng từ), do đó cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà H1, bà A; theo đó chỉ chấp nhận các tài sản bị đơn thừa nhận nêu trên là của nguyên đơn nêu trên và buộc bà H1, bà A phải giao trả cho nguyên đơn, (trong số tài sản bị đơn nêu trong kháng cáo có 02 máy bắt muỗi, 01 máy in HP không nằm trong danh mục liệt kê tài sản xem xét thẩm định, vấn đề này bị đơn tự nguyện thực hiện giao trả cho nguyên đơn).

[4] Đối với trình bày của bà H1 tại cấp sơ thẩm là ý kiến phản bác (không thuộc trường hợp phản tố), vì các bên đều cho rằng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình; nguyên đơn kiện đòi, bị đơn không đồng ý, nên cấp sơ thẩm chỉ giải quyết yêu cầu phản bác của bà H1, chứ không có thụ lý yêu cầu phản tố, nên không giải quyết yêu cầu phản tố, điều này là không phù hợp.

[5] Từ đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H1, bà A, sửa một phần án sơ thẩm như đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[6] Chi phí tố tụng: Tổng cộng 4.689.000 đồng. Yêu cầu của ông T được chấp nhận một phần nên; nên buộc buộc bà H1, bà A phải trả lại cho ông T ½ của số tiền 4.689.000 đồng.

[7] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thu H1 và bà Tô Thúy A mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông Chung Bảo T phải chịu án phí 300.000 đồng.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, nên bà H1, bà A không phải chịu án phí phúc thẩm, mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng được hoàn lại.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 299, khoản 2 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn đòi căn nhà kho trên đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn đối với nguyên đơn.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2022/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Chung Bảo T đối với bà Trần Thu H1 và bà Tô Thúy A về việc kiện đòi lại tài sản.

- Ông Chung Bảo T được sở hữu tài sản trên đất gồm: 02 tủ nhựa (bê ca màu xanh lá, xanh dương), 01 tủ kính nhôm (để quần áo), 01 bàn gỗ, 01 ghế trang điểm, 01 máy tính để bàn, 01 bồn lọc nước, 02 đèn chùm, 01 máy lạnh di động.

- Bà Trần Thu H1 được sở hữu tài sản trên đất gồm: 03 cây đu đủ, 04 cây chuối, 01 mơ tơ bơm nước, 01 máy nóng lạnh, 01 bộ salon gỗ, 01 tủ thờ bằng gỗ, 01 bình nóng lạnh, 01 quạt di động, 02 bình lọc nước phèn bằng inox, 01 tivi hiệu Panasonic, 01 máy lạnh hiệu Sony; 02 xe đạp điện, 01 quạt đứng hiệu Daikio, 01 máy giặt 9 ký hiệu Panasonic, 01 máy lọc nước không dùng điện, 01 ổ áp, 01 li quăng, 01 máy đông lạnh.

- Buộc bà Trần Thu H1, bà Tô Thúy A, ông Tô Văn H2, Tô Kim Q, Tô Kim Ng di dời toàn bộ tài sản, cây cối (đã giao cho bà H1 như nêu trên) để giao trả lại tài sản trên đất cho ông Chung Bảo T (gồm tài sản trên đất như nêu trên) và 01 căn nhà diện tích 8m x 9m (số nhà 388) tọa lạc tại khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh sử dụng theo quy định của pháp luật đối với việc sử dụng đất bảo lưu ven

sông (phần đất liền kề giáp kênh của thửa đất số 130 tờ bản đồ số 27 tại khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh do ông Chung Bảo T đứng tên).

2. Buộc ông Chung Bảo T phải hoàn lại cho bà Trần Thu H1 Số tiền 71.712.000 đồng (Bảy mươi một triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng).

3. Chi phí tố tụng: Tổng cộng 4.689.000 đồng, ông T chịu  $\frac{1}{2}$ ; bà H1, bà A phải trả lại cho ông T  $\frac{1}{2}$ . Buộc bà H1, bà A trả cho ông T số tiền 2.344.500 đồng (mỗi người chịu 1.172.250 đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành không thi hành, thì còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh được tính trên mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

4. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Chung Bảo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.00 đồng đối trừ tạm ứng án phí đã nộp 11.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011862 ngày 21/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, hoàn trả cho Chung Bảo T số tiền 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm ngàn) đồng. Bà Trần Thu H1 và bà Tô Thúy A mỗi người chịu án phí 300.000 đồng.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Bà H1, bà A không phải chịu án phí phúc thẩm, bà H1 dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 001563, bà A dự nộp theo biên lai: 0010566 cùng ngày 22-6-2022 tại Chi cục thi hành án huyện U Minh được hoàn lại.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Văn Út**